

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯƠNG THỊ THANH TRANG\*

Ngày nhận bài: 27/10/2017; ngày sửa chữa: 30/10/2017; ngày duyệt đăng: 31/10/2017.

**Abstract:** Moral education for students in general and for secondary school students in particular plays an important role in personality formation and development of student, especially under the impact of market economy. In the article, author mentions moral education for secondary school students in Binh Tan District, Ho Chi Minh City in terms of role, contents, situation of management of moral education. Also, the article proposes some measures to manage moral education for students at secondary schools in the district.

**Keywords:** Management, moral education, student, education.

## 1. Vai trò của công tác giáo dục đạo đức (GDĐĐ) cho học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS)

Bác Hồ kính yêu có nói: “Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Đạo đức (ĐĐ) là “sợi chỉ hồng” xuyên suốt trong quá trình suy nghĩ và hành động của một con người. Người có ĐĐ tốt ắt hẳn suy nghĩ và hành động đúng.

Trong trường học, GDĐĐ là một bộ phận cấu thành trọng yếu của quá trình giáo dục (GD) rèn luyện nhân cách HS. ĐĐ được coi là nền tảng trong phẩm chất, nhân cách, là cái gốc của con người. Vì thế, trong nhà trường phải luôn chú trọng cả đức lẫn tài: Việc dạy chữ phải kết hợp với dạy người nhằm rèn luyện HS trở thành con người phát triển toàn diện.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, với xu thế toàn cầu hoá, hoà nhập khu vực và quốc tế, tận dụng khoa học kĩ thuật và công nghệ để tiến hành CNH, HĐH đất nước thắng lợi, yêu cầu đòi hỏi nhân tài cho đất nước ngày càng cao hơn, chất lượng hơn.

Điều 23 Luật Giáo dục 2005 xác định: “Mục tiêu của GD phổ thông là giúp cho HS phát triển toàn diện về ĐĐ, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản nhằm hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân.

Trong quá trình hội nhập, nền kinh tế thị trường ngoài mặt tích cực còn làm phát sinh những vấn đề cần quan tâm: bản sắc văn hóa dân tộc bị đe dọa, hội nhập kinh tế quốc tế đưa vào nước ta những sản phẩm đồi trụy, phản nhân văn, reo rắc lối sống tự do tư sản, làm xói mòn những giá trị ĐĐ, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Hiện nay một số bộ phận thanh thiếu niên có dấu hiệu sa sút nghiêm trọng về ĐĐ, nhu cầu cá nhân phát triển lệch lạc, kém ý thức trong quan hệ cộng đồng, thiếu niềm tin trong cuộc sống, ý chí kém phát triển, không có tính tự chủ dễ bị lôi cuốn vào những việc xấu. Trong nhà trường phổ thông nói chung

và trường THCS nói riêng, số HS vi phạm ĐĐ có chiều hướng gia tăng, tình trạng HS kết thành băng nhóm bạo hành trong trường học đáng được báo động. Một số cán bộ quản lí, giáo viên (GV) chưa thật sự là tấm gương sáng cho HS, chỉ lo chú trọng đến việc dạy tri thức khoa học, xem nhẹ môn GD công dân, thờ ơ, không chú ý đến việc GD tình cảm ĐĐ cho HS.

## 2. Nội dung GDĐĐ cho HS ở trường THCS

Ngoài việc GD thế giới quan khoa học, tư tưởng chính trị, pháp luật cho HS, việc GDĐĐ trong nhà trường còn phải hướng đến GD cho HS cách ứng xử có văn hóa trong các mối quan hệ, cụ thể:

- GD quan hệ cá nhân đối với xã hội: GD tình yêu quê hương đất nước, yêu chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ Tổ quốc; GD niềm tự hào về truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, GD lòng tôn trọng, giữ gìn các di sản văn hóa của dân tộc, có thái độ tiến bộ đối với các giá trị truyền thống và tinh thần quốc tế vô sản.

- GD quan hệ cá nhân đối với lao động: GD cho các em có thái độ đúng đắn đối với lao động, yêu thích lao động, chăm chỉ học tập, say mê khoa học, biết quý trọng người lao động, dù lao động chân tay hay lao động trí óc, các em cần hiểu rằng lao động là vinh quang.

- GD quan hệ cá nhân đối với tài sản xã hội, di sản văn hóa thiên nhiên: GD các em có ý thức giữ gìn, tiết kiệm, bảo vệ của công, không xâm hại tài sản chung, tài sản riêng của người khác; biết chăm sóc và bảo vệ môi trường tự nhiên nơi cư trú, nơi học tập và nơi công cộng.

- GD quan hệ cá nhân đối với mọi người xung quanh: GD các em biết kính trọng ông bà, cha mẹ, người thân và những người lớn tuổi; biết kính trọng, lễ phép, thể hiện tấm lòng biết ơn đối với thầy cô giáo và

\* Trưởng Trung học cơ sở Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

những người dạy dỗ, giúp đỡ mình. Đối với các em nhỏ cần có sự cảm thông, nhường nhịn, giúp đỡ, vị tha. GD tình bạn chân thành, tình yêu chân chính dựa trên sự cảm thông, hết sức tôn trọng và có cùng mục đích lí tưởng chung; có thái độ khiêm nhã, luôn lắng nghe và biết học hỏi; GD tinh thần đoàn kết, tương thân, tương trợ, tôn trọng lợi ích chung và ý kiến tập thể, đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân.

- *GD quan hệ cá nhân đối với bản thân:* Phải luôn nghiêm khắc đối với bản thân mình khi có sai phạm; phải khiêm tốn, thật thà, có tính kỉ luật, có ý chí, nghị lực, tinh thần dũng cảm, lạc quan và yêu đời; biết tự đứng dậy sau khi bị vấp ngã.

- *GD cho HS tính nhân văn, biết cảm thụ cái đẹp, biết bảo vệ hòa bình, sống thân thiện với môi trường,...*

Nội dung GDĐĐ cho HS thể hiện trong hệ thống những giá trị ĐĐ nhân văn, có ý nghĩa trong quá trình GD, hình thành và phát triển nhân cách HS.

### 3. Thực trạng quản lí hoạt động GDĐĐ cho HS các trường THCS quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Để đánh giá đúng thực trạng quản lí hoạt động GDĐĐ cho HS ở các trường THCS trên địa bàn quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, chúng tôi khảo sát tại 6 trường THCS (THCS Tân Tạo A; THCS Lê Tấn Bê; THCS Huỳnh Văn Nghệ; THCS Bình Tân; THCS An Lạc và THCS Bình Trị Đông A).

Đối tượng khảo sát: 30 cán bộ quản lí, 170 GV và 100 phụ huynh HS các trường THCS nói trên. Kết quả thu được như sau:

#### 3.1. Thực trạng quản lí xây dựng kế hoạch GDĐĐ cho HS

*Bảng 1. Mức độ lập kế hoạch hoạt động GDĐĐ cho HS của hiệu trưởng*

TT	Kế hoạch GDĐĐ cho HS	TL mức độ thực hiện (%)		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không có
1	Kế hoạch năm	100	0	0
2	Kế hoạch theo từng học kì	60,6	39,4	0
3	Kế hoạch tháng	42,5	57,5	0
4	Kế hoạch tuần	34,83	65,17	0

Kết quả khảo sát cho thấy, việc lập kế hoạch của hiệu trưởng trong công tác quản lí hoạt động GDĐĐ cho HS chỉ được thực hiện thường xuyên ở cả năm học và từng học kì, còn kế hoạch hàng tháng và hàng tuần thì chưa được thường xuyên. Thực trạng ở một số trường THCS còn chú trọng “Dạy chữ” hơn “Dạy người”, chủ yếu là truyền đạt cho các em những tri thức khoa học, chính điều này đã làm cho hiệu quả hoạt động GDĐĐ cho HS ở một số trường còn thấp.

### 3.2. Thực trạng quản lí chương trình, thực hiện nội dung GDĐĐ cho HS

*Bảng 2. Mức độ thực hiện công tác quản lí các nội dung GDĐĐ cho HS*

TT	Yêu cầu quản lí	Mức độ đạt được (%)			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	Xác định rõ nội dung GDĐĐ theo yêu cầu của Bộ GD-ĐT, Sở GD-ĐT và thực tế ở nhà trường, địa phương	47,2	40,7	11,1	1,0
2	Thống nhất nội dung GDĐĐ thông qua cán bộ quản lí, GV	21,3	27,7	43,5	7,5
3	Xây dựng thống nhất chương trình GDĐĐ của nhà trường với sự tham gia của các bộ phận có liên quan	62,9	30,5	6,6	0,0
4	Phân công, phân định rõ ràng trách nhiệm của tổ bộ môn, GV chủ nhiệm, bộ phận giám thị và GV trong việc thực hiện từng nội dung chương trình	64,7	28,7	6,6	0,0
5	Chỉ đạo thường xuyên, sâu sát quá trình thực hiện các nội dung, phương pháp GDĐĐ trong nhà trường	25	33,5	38,8	2,7
6	Định kì kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, phương pháp GDĐĐ cho HS	38,8	46,3	10,2	4,7
7	Quan tâm đổi mới phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác GDĐĐ cho HS	23,1	33,3	38,8	4,8

*Bảng 2* phản ánh thực trạng với các nội dung: xây dựng thống nhất chương trình GDĐĐ của nhà trường với sự tham gia của các bộ phận có liên quan; phân công, phân định rõ ràng trách nhiệm của tổ bộ môn, GV chủ nhiệm, bộ phận giám thị và GV trong việc thực hiện từng nội dung chương trình. Việc định kì kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, phương pháp GDĐĐ cho HS được các trường quan tâm thường xuyên đạt ở mức độ khá tốt.

Tuy nhiên, việc thống nhất nội dung GDĐĐ thông qua cán bộ quản lí, GV; quan tâm đổi mới phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác GDĐĐ cho HS chưa được các trường quan tâm đúng mức.

#### 3.3. Thực trạng quản lí các hình thức GDĐĐ cho HS (xem *bảng 3* trang bên)

Kết quả ở *bảng 3* cho thấy, các hình thức GDĐĐ cho HS thông qua học tập các môn học nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của HS trên lớp như môn GD công dân, qua hình thức thi đua khen thưởng và các hoạt động ngoài giờ lên lớp đạt hiệu quả cao trong quá trình thực hiện vì trong quá trình phân công giảng dạy và GD các trường đã cân nhắc kĩ và chỉ phân công cho các GV có kinh nghiệm, có tâm huyết trong công tác GD, có năng lực chuyên môn tốt, gương mẫu, thân thiện, gần gũi, luôn quan tâm đến công tác GDĐĐ cho HS, lấy hiệu quả công việc là một chỉ tiêu lớn để phấn đấu và rèn luyện mình, tạo được sự thương yêu, kính trọng của HS.

**Bảng 3. Mức độ thực hiện quản lý các hình thức GDĐĐ cho HS**

TT	Yêu cầu quản lý	Mức độ đạt được (%)			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	Nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, GV trong công tác GDĐĐ	22,2	36,1	39,8	1,9
2	GDĐĐ thông qua các văn bản, quy định	18,5	32,4	42,6	6,5
3	GDĐĐ thông qua học tập các môn học nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của HS	62,0	23,1	14,9	0,0
4	GDĐĐ thông qua hình thức thi đua khen thưởng và các hoạt động ngoài giờ lên lớp	46,3	48,1	5,6	0,0
5	Trang bị cơ sở vật chất, đầu tư kinh phí cho hoạt động GDĐĐ	39,8	41,6	11,1	7,5

**3.4. Thực trạng quản lý sự phối hợp với các lực lượng GD ngoài nhà trường trong công tác GDĐĐ cho HS**

**Bảng 4. Mức độ phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng khác trong việc GDĐĐ cho HS**

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đạt được (%)			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	Công tác phối hợp với Ban đại diện phụ huynh HS	33,3	30,6	27,4	8,7
2	Công tác phối hợp với gia đình HS	10,4	44,4	33,3	11,9
3	Công tác phối hợp với chính quyền địa phương	33,9	31,3	18,5	16,3
4	Công tác phối hợp với Đoàn Thanh niên	51,6	30,0	18,4	0,0
5	Công tác phối hợp với Hội Phụ nữ	19,6	38,5	33,9	8,0
6	Công tác phối hợp với Tổ dân phố	39,8	37,2	13,7	9,3
7	Công tác phối hợp với Hội Khuyến học	53,5	39,2	7,3	0,0
8	Công tác phối hợp với Công an địa phương	49,6	41,1	9,3	0,0

Kết quả ở **bảng 4** cho thấy, lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm đến việc phối kết hợp với các bộ phận ở chính quyền nơi trường tọa lạc trong việc GDĐĐ cho HS. Đồng thời, mỗi trường đều có một bộ phận chuyên trách về quản lý GDĐĐ cho HS. Chỉ đạo trực tiếp là chi bộ Đảng, Ban Giám hiệu, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Tổ khối chủ nhiệm, trong đó chủ yếu vẫn là tổ chức Đoàn Thanh niên trong nhà trường.

**3.5. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động GDĐĐ cho HS**

**Bảng 5. Các điều kiện hỗ trợ hoạt động GDĐĐ cho HS**

Điều kiện quản lý môi trường GD nhà trường	Kết quả thực hiện (%)			
	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
GV tôn trọng, quan tâm và khích lệ, tin tưởng HS	50,9	43,5	5,6	0,0
Có sự khách quan và công bằng trong đối xử	52,8	39,8	7,4	0,0
Tập thể HS đoàn kết, gắn bó, vui vẻ, giúp đỡ lẫn nhau	30,5	24,0	37,0	8,5

Kết quả ở **bảng 5** cho thấy, việc quản lý môi trường GDĐĐ cho HS được các trường quan tâm xây dựng tương đối tốt, có thể nhận thấy, nhà trường là môi trường GD, là xã hội thu nhỏ mà người học trực tiếp chịu ảnh hưởng; là nơi diễn ra tất cả các mối quan hệ giữa HS với HS, giữa HS với các thầy cô giáo, với các cán bộ nhân viên trong nhà trường.

**3.6. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho HS**

**Bảng 6. Mức độ kiểm tra, đánh giá của hiệu trưởng**

TT	Đối tượng kiểm tra	TL mức độ kiểm tra (%)		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không có
1	Kiểm tra công tác GDĐĐ của GV chủ nhiệm	45,7	52,6	1,7
2	Kiểm tra công tác GDĐĐ của GV bộ môn	16,4	35,3	48,3
3	Kiểm tra công tác GDĐĐ của Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên	34,9	62,5	2,6
4	Kiểm tra hoạt động tự rèn luyện của HS	2,1	72,8	25,1
5	Kiểm tra hoạt động ngoài giờ lên lớp của các bộ phận	4,7	63,8	31,5

Kết quả ở **bảng 6** cho thấy, việc kiểm tra, đánh giá của hiệu trưởng về công tác GDĐĐ cho HS trong nhà trường chưa được thường xuyên và chưa có kế hoạch cụ thể theo từng thời điểm. Nhà trường chỉ thường chỉ kiểm tra công tác GDĐĐ của GV chủ nhiệm, kiểm tra công tác GDĐĐ của Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên... Lãnh đạo trường có theo dõi kiểm tra công tác GDĐĐ của GV bộ môn, tuy nhiên cũng không được thường xuyên và đôi khi còn buông lỏng, điều này đã ít nhiều ảnh hưởng đến công tác GDĐĐ cho HS.

**3.7. Đánh giá chung thực trạng**

**3.7.1. Mặt mạnh:** Đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên các trường đã nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động GDĐĐ cho HS, xác định được vai trò của nhà trường, của bộ phận và cá nhân trong việc thực hiện những hoạt động này, phần lớn GV chủ nhiệm có tinh thần trách nhiệm, tận tụy, gắn bó với lớp, với

HS và phụ huynh. Nội dung GDĐĐ cũng được GV chú trọng, GD những phẩm chất ĐĐ gắn với việc hình thành ý thức tổ chức kỉ luật cho HS; hình thức GDĐĐ khá phong phú, sinh động, trong đó hình thức tổ chức các hoạt động tập thể, sinh hoạt truyền thống, văn nghệ, thể dục thể thao,...

**3.7.2. Mặt yếu:** Về hình thức GD, việc lồng ghép những bài học ĐĐ vào các môn văn hóa ở nhà trường còn hạn chế, thể mạnh hình thức GDĐĐ chỉ tập trung thể hiện thông qua GV chủ nhiệm, qua hoạt động tập thể. Công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động GDĐĐ cho HS chưa thật sự chặt chẽ. Việc theo dõi, đôn đốc các bộ phận và điều chỉnh bổ sung kế hoạch cũng chưa thường xuyên, dẫn tới sự lờ là trong hoạt động GDĐĐ của GV bộ môn. Cán bộ quản lí có lúc chưa điều chỉnh kịp thời mối quan hệ phối hợp công tác giữa các lực lượng GD trong nhà trường.

**3.7.3. Nguyên nhân:** Xem nhẹ việc GDĐĐ cho HS là nguyên nhân quan trọng, GDĐĐ chưa được đặt ngang hàng với GD văn hóa. Đội ngũ GV chỉ lồng ghép nội dung GDĐĐ vào bài dạy của môn mình trực tiếp đứng lớp mà chưa thật sự quan tâm vào nội dung GDĐĐ cụ thể cho HS. Mặt trái của nền kinh tế thị trường sẽ kéo theo sự biến đổi hệ thống định hướng giá trị ĐĐ của mỗi người trong xã hội, ảnh hưởng đến định hướng giá trị ĐĐ của HS.

Công tác phối hợp với gia đình HS còn nhiều bất cập, hầu hết phụ huynh đều tồn tại tư tưởng “khoán trắng” con mình cho nhà trường, coi GD là việc làm tất yếu của nhà trường. Vì thế, việc cùng bàn bạc để tổ chức các hoạt động nhằm GDĐĐ cho HS chưa thực hiện tốt.

#### **4. Đề xuất một số biện pháp quản lí hoạt động GDĐĐ cho HS các trường THCS quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh**

**4.1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc GDĐĐ cho HS THCS.** Đây là biện pháp quản lí có ý nghĩa thiết thực trên hết, vì có nhận thức đúng đắn vấn đề mới có được hành động đúng, là cơ sở để hướng đến một kết quả hoàn thiện. Nhận thức đúng về vị trí, vai trò của công tác GDĐĐ cho HS trong nhà trường là khâu quan trọng đầu tiên của quá trình hoạt động, nó có ý nghĩa to lớn đến sự thành công hay thất bại của quá trình thực hiện công việc.

**4.2. Đổi mới các hình thức hoạt động trong nhà trường.** Thực tế ở các trường THCS, việc quản lí dạy học các môn *GD công dân, GD ngoài giờ lên lớp* trong thời gian qua chưa được các nhà quản lí quan tâm đúng mức. Các phương pháp quản lí dạy học các môn này ít được đổi mới. Trong giai đoạn hiện

nay, việc quản lí công tác dạy học các môn *GD công dân, GD ngoài giờ lên lớp* đòi hỏi phải có sự quan tâm và thực hiện nghiêm túc. Các phương pháp và hình thức quản lí dạy học hai môn này cũng phải được đổi mới, cải tiến thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra của xã hội.

**4.3. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.** Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giữ vai trò rất quan trọng trong chương trình GD HS. Hoạt động này giúp cho HS có nhiều cơ hội trải nghiệm để vận dụng những kiến thức học được vào thực tiễn từ đó hình thành năng lực thực tiễn cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của bản thân.

GD cho HS truyền thống yêu nước, tôn sư trọng đạo, truyền thống hiếu học, cần cù, sáng tạo của dân tộc ta. GD cho HS các đức tính, phẩm chất, năng lực của một con người mới trong thời đại phát triển khoa học công nghệ, CNH, HĐH đất nước.

**4.4. Xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương.** Nhà trường phối hợp với cộng đồng GD truyền thống dân tộc, bản sắc văn hóa địa phương, tình yêu quê hương đất nước, qua đó các em không những được GD về tình cảm ĐĐ, thẩm mĩ mà còn phát triển về mặt thể chất. Xây dựng cơ chế tổ chức phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội nhằm GDĐĐ cho HS. Đẩy mạnh sự nghiệp hóa GD, tạo động lực mạnh mẽ, điều kiện thuận lợi cho hệ thống nhà trường, thực hiện tốt mục tiêu GD-ĐT thế hệ trẻ.

**4.5. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lí HS vi phạm.** Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho HS nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho HS. Xây dựng tiêu chí, quy trình, phương pháp, giúp cho việc đánh giá kết quả GDĐĐ của HS một cách hợp lí, khoa học, chính xác, công bằng, từ đó giúp HS nhận thức đầy đủ về bản thân và phát huy mặt tích cực, khắc phục những khuyết điểm. Thông qua việc đánh giá kết quả GDĐĐ cho HS để đánh giá công tác quản lí GDĐĐ của mỗi thành viên tham gia quản lí GDĐĐ cho HS trong nhà trường.

#### **5. Kết luận**

Công tác quản lí hoạt động GDĐĐ cho HS có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ GD ở trường THCS. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động này ở các trường THCS quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh cho thấy các trường THCS cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác GDĐĐ cho HS và tăng cường công tác quản lí GDĐĐ cho HS. Để thực hiện có hiệu quả

(Xem tiếp trang 75)

tâm nghề nghiệp là tác động của cấp QL làm cho cán bộ, GV gắn bó với nghề; đồng thời, có ý thức chủ động tự giác học tập, BD nâng cao trình độ mọi mặt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống, mọi hoàn cảnh.

Thực hiện đầy đủ quyền lợi chính đáng của cá nhân cho cán bộ, GV sẽ làm tăng động lực phấn đấu của họ trong công việc. Muốn vậy phải thực hiện đánh giá cán bộ, GV theo chuẩn cụ thể, công bằng, khách quan; coi trọng kết quả tự BD, khích lệ và giúp người cán bộ, GV tự điều chỉnh hoạt động của mình trong học tập.

**2.4.5. Đầu tư và QL sử dụng có hiệu quả kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động BD theo mục tiêu đặt ra.** Tăng cường khai thác phân phối nguồn lực ở các địa phương, đơn vị trên cơ sở đảm bảo thực hiện mục tiêu của công tác BD theo từng giai đoạn, từng thời kì, theo chương trình khung BD đặt ra.

**2.4.6. Việc tăng tính sát thực cho nội dung BD cũng nhằm đáp ứng nhu cầu BD và tạo động lực cho cán bộ, GV đối với hoạt động này.** Do vậy, công tác QL hoạt động BD cần phải được tổ chức đảm bảo nội dung thực tế, dễ hiểu, dễ áp dụng, đúng lúc để học viên nhận thức đúng vấn đề, sẽ tìm thấy giá trị thực của nội dung và làm tăng mức độ hài lòng, mong muốn được học tiếp. Muốn vậy cần chọn lọc, xây dựng các nhóm nội dung BD hợp lí nhằm nâng cao nhận thức, lòng yêu nghề, nâng cao kĩ năng hoạt động thực tiễn.

### 3. Kết luận

Để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, cần quan tâm vấn đề cốt lõi nhất của hoạt động GD, đó là chất lượng nhà giáo. Vai trò của người thầy có ý nghĩa quyết định đến chất lượng GD, ĐT của nước ta. Chúc năng quan trọng nhất của các trường là ĐT người thầy - đội ngũ nhà giáo cho tất cả các cơ sở GD với các cấp, bậc học trong cả nước. Vì vậy, để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cần tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, GV trong các trường SP. Để thực hiện được mục tiêu đó, một trong nhiệm vụ trọng tâm là phải tổ chức các hoạt động BD cho GV các trường SP này nhằm phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Vì vậy, công tác QL BD cán bộ, GV các trường SP đáp ứng yêu cầu đổi mới GD cần được các cấp ủy Đảng, lãnh đạo các cấp đặc biệt quan tâm. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Trích Bài nói chuyện với lớp đào tạo hướng dẫn viên các trại hè cấp I, ngày 12/6/1956, trong cuốn "Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch" (1956, tập 3). NXB Sự thật, tr 278-280.
- [2] Mạnh Xuân (2015). *Phải thay đổi từ các trường sư phạm*. <http://www.nhandan.com.vn/giaoduc/tin-tuc/>

item/28029302-thay-doi-phai-tu-cac-truong-su-pham.html

- [3] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*.
- [4] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [5] Nguyễn Phúc Châu (2010). *Quản lí nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Ban Bí thư Trung ương. *Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lí luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân*.
- [7] Trần Kiểm (2007). *Tiếp cận hiện đại trong quản lí giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.

## Thực trạng quản lí hoạt động...

(Tiếp theo trang 40)

hoạt động này cần phải có những biện pháp quản lí hiệu quả, đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động GDĐT cho HS của các trường THCS; kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác GDĐT cho HS và bổ sung biên chế cho các trường THCS GV chuyên trách làm công tác tư vấn cho HS về tâm, sinh lí, sức khỏe, tình cảm, ứng xử,... □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2010). *Cẩm nang giáo dục đạo đức, lối sống và phòng chống bạo lực trong nhà trường*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [2] Bộ GD-ĐT (2011). *Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.
- [3] Hội Khoa học tâm lí - Giáo dục Việt Nam (2008). *Giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên nước ta: Thực trạng và giải pháp*. Kỉ yếu hội thảo khoa học, Đồng Nai.
- [4] Nguyễn Hữu Hợp - Lưu Thu Thủy (2007). *Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức*. NXB Giáo dục.
- [5] Ủy ban nhân dân quận Bình Tân (2017). *Công văn số 339/BC-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về tình hình kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2017*.
- [6] Phòng GD-ĐT quận Bình Tân. *Báo cáo tổng kết năm học, 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017*.
- [7] Viện Khoa học Giáo dục (1998). *Giải pháp phối hợp các lực lượng xã hội nhằm giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở hiện nay*. NXB Giáo dục.